

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07 – 01 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Văn Rỹ.

2. Bà Thái Thục Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 533/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 662/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 555/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị T, sinh năm 1991.

Căn cước công dân số XXXXXXXXXXXXX cấp ngày 12/8/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Lâm Đồng. (xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1985.

Căn cước công dân số XXXXXXXXXXXXX.

Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã B, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ cư trú: Số C đường D, phường E, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Nguyên đơn bà Đặng Thị T trình bày:

Bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Hữu T đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 173/2013, quyển số 02/2013 do Ủy ban nhân dân phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt (nay là phường Tân Lộc), thành phố Cần Thơ cấp ngày 17/6/2013. Sau khi kết hôn ông bà sinh sống tại địa chỉ: Thôn F, xã G, huyện H, tỉnh Đăk Nông, nay là Thôn A, xã B, tỉnh Lâm Đồng.

Hai vợ chồng chung sống được một năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không thể hàn gắn. Ông bà đã sống ly thân từ lâu.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đặng Thị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.
- Về con chung: Bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Hữu T có hai con chung là Nguyễn Đặng Gia P (giới tính: Nam; sinh ngày xx/xx/2017) và Nguyễn Đặng Gia B (giới tính: Nam; sinh ngày xx/xx/2014). Sau khi ly hôn, bà Thu yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung.
- Về cấp dưỡng: Bà Đặng Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Hữu T cấp dưỡng cho con.
- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đặng Thị T xác nhận không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đặng Thị T cam kết việc ly hôn của bà và ông Nguyễn Hữu T không nhằm trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ nào và bà chỉ nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Nguyên đơn bà Đặng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Nguyễn Hữu T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 662/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/11/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 555/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2025; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn Hữu T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hữu T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

+ Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Đặng Thị T đã cung cấp đầy đủ lời khai cùng các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng.

Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Đặng Thị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hữu T, đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Bị đơn là ông Nguyễn Hữu T cư trú tại phường Bình Đông, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 173/2013, quyển số 02/2013 ngày 17/6/2013. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nhận thấy giữa bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Hữu T chỉ ràng buộc về mặt pháp lý, cả hai không còn tình cảm với nhau, đã sống ly thân từ lâu, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp lời khai thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị T đối với ông Nguyễn Hữu T.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ Giấy khai sinh số A do Ủy ban nhân dân xã Đăk N'Drót, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông cấp ngày 13/11/2017 và Giấy khai sinh số B/2014, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã Đăk N'Drót, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông cấp ngày 24/9/2014 cùng lời khai của nguyên đơn có đủ cơ sở xác định bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Hữu T có hai con chung là Nguyễn Đặng Gia P (giới tính: Nam; sinh ngày xx/xx/2017) và Nguyễn Đặng Gia B (giới tính: Nam; sinh ngày xx/xx/2014).

Trẻ Nguyễn Đặng Gia P, Nguyễn Đặng Gia B trình bày từ trước đến nay sống chung với mẹ và nếu cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

Xét thấy, yêu cầu của bà Đặng Thị T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, phù hợp với nguyện vọng và đảm bảo quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Hữu T cấp dưỡng cho con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đặng Thị T xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Tại phiên toà, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị T phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015);

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014),

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị T ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 173/2013, quyển số 02/2013 do Ủy ban nhân dân phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt (nay là phường Tân Lộc), thành phố Cần Thơ cấp ngày 17/6/2013.

1.2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Đặng Gia P (giới tính: Nam; sinh ngày xx/xx/2017) và Nguyễn Đặng Gia B (giới tính: Nam; sinh ngày xx/xx/2014) cho bà Đặng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Hữu T cấp dưỡng cho con.

Ông Nguyễn Hữu T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đặng Thị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Đặng Thị T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020236 ngày 26/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đặng Thị T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Bà Đặng Thị T, ông Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 10 - TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đường sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Xuân Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Xuân Thắng